TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 922/2024/HS-PT
Ngày 25 tháng 9 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 251/2024/TLPT-HS ngày 25 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo Lê Ngọc L do có kháng cáo của các bị hại đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 09/2024/HS-ST ngày 20 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh CM.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Bị cáo **Lê Ngọc L,** sinh năm 1977 tại huyện T, tỉnh CM;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp H, xã N, huyện U, tỉnh CM; nơi cư trú: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh CM; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 9/12; con ông Lê Minh T và bà Dương Thị T1; chồng: Hồ Quốc K và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 22/6/2023 cho đến nay; có mặt.

- Bị hại có kháng cáo:

1. Bà Phan Ngọc N, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh CM (có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh CM (có mặt).

3. Bà Bùi Ngọc Á, sinh năm 2003. Nơi cư trú: Ấp H, xã N, huyện U, tỉnh

CM (có mặt).

4. Bà Quách Thúy Đ, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Ấp H, xã N, huyện U, tỉnh CM (có mặt).

5. Bà Mai Thị P, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Ấp C, xã K, huyện U, tỉnh CM (có mặt).

6. Bà Phan Thị T2, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Ấp B, xã K, huyện U, tỉnh CM (có mặt).

7. Bà Dương Thị C, sinh năm 1961. Nơi cư trú: Ấp H, xã N, huyện U, tỉnh CM (có mặt).

8. Ông Huỳnh Tấn S, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Ấp H, xã N, huyện U, tỉnh CM (có mặt).

9. Ông Trương Minh K1, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh CM; vợ là Quách Diễm C1, sinh năm 1987 (có mặt).

10. Bà Phan Thị H, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Ấp I, xã T, huyện T, tỉnh CM (có mặt).

11. Bà Nguyễn Thị C2, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Ấp H, xã N, huyện U, tỉnh CM (có mặt).

12. Bà Huỳnh Thị N2, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh CM (vắng mặt).

13. Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh CM (có mặt).

14. Bà Đào Mộng N3, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Ấp B, xã K, huyện U, tỉnh CM (có mặt).

15. Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Ấp H, xã N, huyện U, tỉnh CM (có mặt).

16. Bà Phan Thị L1, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Ấp H, xã N, huyện U, tỉnh CM (có mặt).

17. Bà Trịnh Kim T5, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Ấp H, xã N, huyện U, tỉnh CM (có mặt).

18. Bà Lê Thị L2, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Ấp H, xã N, huyện U, tỉnh CM (có mặt).

19. Bà Nguyễn Thị N4, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Ấp B, xã K, huyện U, tỉnh CM (có mặt).

20. Ông Dương Quốc T6, sinh năm 1960. Nơi cư trú: Ấp I, xã T, huyện T, tỉnh CM (có mặt).

21. Bà Đinh Hồng C3, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Ấp B, xã K, huyện U, tỉnh CM (có mặt).

22. Ông Huỳnh Tấn N5, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Ấp H, xã N, huyện U, tỉnh CM; (vợ là Nguyễn Hồng P1, sinh năm 1985) (vắng mặt).

23. Bà Nguyễn Kim T7, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Ấp B, xã K, huyện U, tỉnh CM (có mặt).

24. Bà Dương Thị T8, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Ấp E, xã K, huyện U, tỉnh CM (vắng mặt).

25. Bà Lê Thị N6, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Ấp I, xã T, huyện T, tỉnh CM (có mặt).

26. Bà Nguyễn Thị N7, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Ấp H, xã N, huyện U, tỉnh CM (có mặt).

27. Ông Nguyễn Hoàng T9, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Ấp H, xã N, huyện U, tỉnh CM (có mặt); bà Mai Bé T10, sinh năm 1986 (vợ) (có mặt).

28. Ông Lê Văn L3 (L4), sinh năm 1967. Nơi cư trú: Ấp E, xã K, huyện U, tỉnh CM (có mặt).

29. Bà Huỳnh Thị C4, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Ấp H, xã N, huyện U, tỉnh CM (có mặt).

30. Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1929. Nơi cư trú: Ấp H, xã N, huyện U, tỉnh CM (có mặt).

31. Bà Lê Cẩm T11, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Ấp G, xã N, huyện U, tỉnh CM (có mặt).

32. Bà Trần Ngọc D, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Ấp H, xã N, huyện U, tỉnh CM (có mặt).

33. Ông Trần Quốc T12, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh CM (vắng mặt).

34. Bà Lê Bích N8, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh CM và ấp A, xã H, huyện T, tỉnh CM (vắng mặt).

35. Ông Nguyễn Văn S1, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Ấp H, xã N, huyện U, tỉnh CM (vắng mặt).

36. Bà Nguyễn Hồng Á1, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Ấp C, xã K, huyện U, tỉnh CM (vắng mặt).

37. Bà Nguyễn Mộng C5, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Ấp G, xã T, huyện T, tỉnh CM (có mặt).

38. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Ấp D, xã K, huyện U, tỉnh CM (vắng mặt).

39. Bà Nguyễn Kim L5, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh CM (vắng mặt).

40. Bà Lê Thị T13, sinh năm 1957. Nơi cư trú: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh CM (vắng mặt).

41. Bà Lê Ngọc Đ1, sinh năm 1961. Nơi cư trú: Ấp G, xã T, huyện T, tỉnh CM (vắng mặt).

42. Ông Lê Tiến P2, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh CM (vắng mặt).

43. Bà Nguyễn Thị C6 (C7), sinh năm 1982. Nơi cư trú: Ấp H, xã N, huyện U, tỉnh CM (có mặt);

44. Bà Dương Thị T8, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Ấp E, xã K, huyện U, tỉnh CM (vắng mặt).

- Ngoài ra, trong vụ án này còn có những người tham gia tụng khác nhưng không có kháng cáo và không liên quan tới việc kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2012, Lê Ngọc L bắt đầu làm chủ hụi, có nhiều dây hụi đã mãn. Trong quá trình làm chủ hụi, L bị mất cân đối về tài chính do L choàng hụi, chi tiêu cho cá nhân nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền hụi của hụi viên. Lợi dụng hụi viên không đi bỏ thăm khui hụi và không quen biết nhau, từ năm 2020 đến tháng 6 năm 2022, L đã thực hiện hành vi gian dối tự ý hốt 95 chân hụi của hụi viên, chiếm đoạt số tiền 2.872.870.000đ; bán khống 05 chân hụi cho hụi viên, chiếm đoạt số tiền 145.875.000đ. Tổng số tiền L chiếm đoạt là **3.018.745.000đ**, đến giữa năm 2022 thì đình hụi, lúc này còn 17 dây hụi chưa mãn. Cụ thể:

Dây thứ 1: Mở ngày 10/8/2019 (ngày 10/7/2019 âm lịch), loại hụi 1.000.000đ, 01 tháng khui 01 lần, tổng số 36 chân, đã khui hụi 35 kỳ, còn 01 kỳ chưa khui, L tham gia 03 chân, đã hốt ở các kỳ 01, 03, 11. L tự ý hốt 05 chân hụi của hụi viên, tại các kỳ 14, 18, 22, 26, 28 (lần lượt bỏ thăm số tiền từ 300.000đ đến 420.000đ), chiếm đoạt số tiền **136.170.000đ.**

Dây thứ 2: Mở ngày 15/12/2019 (ngày 20/11/2019 âm lịch), hụi 1.000.000đ, 01 tháng khui 01 lần, tổng số 36 chân, đã khui 31 kỳ, còn lại 05 kỳ chưa khui. Ly tham gia 01 chân, đã hốt kỳ 01. L tự ý hốt 15 chân hụi của hụi viên tại các kỳ 05, 06, 07, 10, 11, 12, 15, 17, 22, 23, 25, 26, 27, 28, 29 (lần lượt bỏ thăm số tiền từ 200.000đ đến 500.000đ), chiếm đoạt số tiền **392.325.000đ.**

Dây thứ 3: Mở ngày 17/4/2020 (ngày 25/3/2020 âm lịch), loại hụi 1.000.000đ, 01 tháng khui 01 lần, tổng số 37 chân, đã khui hụi 27 kỳ, còn lại 10 kỳ. Ly tham gia 02 chân, đã hốt ở các kỳ 01, 05. L tự ý hốt 08 chân hụi của hụi viên, tại các kỳ 06, 13, 15, 20, 22, 23, 25, 27 (lần lượt bỏ thăm số tiền từ 360.000đ đến 480.000đ), chiếm đoạt số tiền 201.710.000đ.

Ngoài ra, dây hụi này L có bán khống 02 chân hụi cho bà Trần Ngọc D, chiếm đoạt số tiền 45.400.000đ.

Tổng số tiền L đã chiếm đoạt ở dây hụi này là **247.110.000đ** = (201.710.000đ + 45.400.000đ)

Dây thứ 4: Mở ngày 08/5/2020 (ngày 16/4/2020 âm lịch), loại hụi 2.000.000đ, 01 tháng khui 01 lần, tổng số 26 chân, đã khui 25 kỳ. Ly tham gia 02 chân, đã hốt ở các kỳ 02; 07. L tự ý hốt 05 chân hụi của hụi viên tại các kỳ 09, 13, 14, 19, 22 (lần lượt bỏ thăm số tiền từ 650.000đ đến 700.000đ), chiếm đoạt số tiền **194.050.000đ.**

Dây thứ 5: Mở ngày 20/6/2020 (ngày 29/4/2020 âm lịch), loại hụi 1.000.000đ, 01 tháng khui 01 lần, tổng số 34 chân, đã khui hụi 25 kỳ, còn lại 09 kỳ. Ly tham gia 02 chân, đã hốt ở các kỳ 01, 05. L tự ý hốt 10 chân hụi của hụi viên tại các kỳ 03, 07, 08, 09, 10, 11, 21, 22, 23, 24 (lần lượt bỏ thăm số tiền từ 350.000đ đến 400.000đ), chiếm đoạt số tiền 224.255.000đ.

Ngoài ra, dây hụi này L có bán khống 01 chân hụi cho bà Trần Ngọc D, chiếm đoạt số tiền 23.625.000đ.

Tổng số tiền L đã chiếm đoạt ở dây hụi này là **247.880.000đ** = (224.255.000đ + 23.625.000đ)

Dây thứ 6: Mở ngày 22/9/2020 (ngày 06/8/2020 âm lịch), loại hụi 2.000.000đ, 01 tháng khui 01 lần, tổng số 31 chân, đã khui hụi 21 kỳ, còn lại 10 kỳ. L tham gia 02 chân đã hốt kỳ 01, 10. L tự ý hốt 15 chân hụi của hụi viên tại các kỳ 04, 05, 06, 07, 08, 09, 11, 12, 13, 14, 16, 17, 18, 19, 20 (lần lượt bỏ thăm số tiền từ 450.000đ đến 700.000đ), chiếm đoạt số tiền **625.640.000đ.**

Dây thứ 7: Mở ngày 22/9/2020 (ngày 06/8/2020 âm lịch), loại hụi 1.000.000đ, 01 tháng khui 01 lần, tổng số 39 chân, đã khui hụi 21 kỳ, còn lại 18 kỳ. L tham gia 01 chân đã hốt kỳ 01. L tự ý hốt 14 chân hụi của hụi viên tại các kỳ 03, 04, 05, 06, 07, 08, 11, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20 (lần lượt bỏ thăm số tiền từ 300.000đ đến 500.000đ), chiếm đoạt số tiền **332.820.000đ.**

Dây thứ 8: Mở ngày 01/02/2021 (ngày 20/12/2020 âm lịch), loại hụi 2.000.000đ, 01 tháng khui 01 lần, tổng số 29 chân, đã khui hụi 17 kỳ, còn lại 12 kỳ. Ly tham gia 02 chân, đã hốt ở các kỳ 02, 04. L tự ý hốt 10 chân hụi của hụi viên tại các kỳ 05, 06, 08, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, (lần lượt bỏ thăm số tiền từ 610.000đ đến 810.000đ) chiếm đoạt số tiền **369.960.000đ.**

Dây thứ 9: Mở ngày 08/3/2021 (ngày 25/01/2021 âm lịch), loại hụi 1.000.000đ, 01 tháng khui 01 lần, tổng số 30 chân, đã khui 16 kỳ, còn lại 14 kỳ chưa khui. Ly tham gia 03 chân, đã hốt ở các kỳ 01, 05, 10. L tự ý hốt 03 chân hụi của hụi viên tại các kỳ 03, 04, 11 (lần lượt bỏ thăm số tiền từ 415.000đ đến 750.000đ), chiếm đoạt số tiền **48.910.000đ.**

Dây thứ 10: Dây hụi mở ngày 27/5/2021 (ngày 16/4/2021 âm lịch), loại hụi 2.000.000đ, 01 tháng khui 01 lần, tổng số 29 chân, đã khui hụi 13 kỳ, còn lại 16 kỳ chưa khui. Ly tham gia 04 chân, đã hốt ở các kỳ 01, 04, 07, 10. L tự ý hốt 03 chân hụi của hụi viên tại các kỳ 08, 12, 14 (lần lượt bỏ thăm số tiền từ 740.000đ đến 800.000đ), chiếm đoạt số tiền **104.990.000đ.**

Dây thứ 11: Mở ngày 27/5/2021 (ngày 16/4/2021 âm lịch), loại hụi 1.000.000đ, 01 tháng khui 01 lần, tổng số 30 chân, đã khui hụi 13 kỳ, còn lại 17 kỳ chưa khui. Ly tham gia 2 chân, đã hốt ở các kỳ 01, 07. L tự ý hốt 01 chân hụi của hụi viên tại kỳ 09 (bỏ thăm 260.000 đồng), chiếm đoạt số tiền **22.280.000đ.**

Dây thứ 12: Mở ngày 16/9/2021 (ngày 10/8/2021 âm lịch), loại hụi 1.000.000đ, 01 tháng khui 01 lần, tổng số 30 chân, đã khui 9 kỳ, còn lại 21 kỳ chưa khui. Ly tham gia 01 chân, đã hốt kỳ 04. L tự ý hốt 02 chân hụi của hụi viên tại kỳ 05, 09 (lần lượt bỏ thăm số tiền từ 430.000đ đến 470.000đ), chiếm đoạt số tiền **35.890.000đ.**

Dây thứ 13: Mở ngày 03/12/2021 (nhằm ngày 29/10/2021 âm lịch), loại hụi 2.000.000đ, 01 tháng khui 01 lần, tổng số 37 chân, đã khui 07 kỳ, còn lại 30 kỳ chưa khui. Ly tham gia 02 chân, đã hốt ở các kỳ 01, 05. L tự ý hốt 03 chân hụi của hụi viên tại các kỳ 03, 04, 06 (lần lượt bỏ thăm số tiền từ 500.000đ đến 570.000đ), chiếm đoạt số tiền 149.820.000đ.

Ngoài ra, dây hụi này L có bán khống 01 chân hụi cho bà Trần Ngọc D, chiếm đoạt số tiền 44.750.000đ.

Tổng số tiền L đã chiếm đoạt ở dây hụi này là **194.570.000đ** = (149.820.000đ + 44.750.000đ).

Dây thứ 14: Mở ngày 27/01/2022 (ngày 25/12/2021 âm lịch), loại hụi 3.000.000đ, 01 tháng khui 01 lần, tổng số 20 chân, đã khui 05 kỳ (hụi viên hốt thật 05 kỳ), còn lại 15 kỳ chưa khui. Ly tham gia 01 chân, đã hốt ở kỳ 03. Dây hụi này L không có chiếm đoạt tiền hụi của hụi viên.

Dây thứ 15: Mở ngày 27/01/2022 (ngày 25/12/2021 âm lịch), loại hụi 3.000.000đ, 01 tháng khui 01 lần, tổng số 20 chân, đã khui 05 kỳ, còn lại 15 kỳ chưa khui. Ly tham gia 01 chân, đã hốt kỳ 03. L tự ý hốt 01 chân hụi của hụi viên tại kỳ 04 (bỏ thăm 1.350.000 đồng), chiếm đoạt số tiền 34.050.000đ.

Ngoài ra, dây hụi này L có bán hụi khống 01 chân hụi cho bà Lê Cẩm T11 (tên hụi viên: Tú Út), chiếm đoạt số tiền 32.100.000đ.

Tổng số tiền L đã chiếm đoạt ở dây hụi này là **66.150.000đ** = (34.050.000đ + 32.100.000đ)

Dây thứ 16: Mở ngày 20/02/2022 (ngày 20/01/2022 âm lịch), loại hụi 1.000.000đ, 01 tháng khui 01 lần, tổng số 30 chân, đã khui hụi 04 kỳ (hụi viên hốt thật 04 kỳ), còn lại 26 kỳ chưa khui. L tham gia 02 chân đã hốt 01 chân ở kỳ 03; còn lại 01 chân. Dây hụi này L không có chiếm đoạt tiền hụi của hụi viên.

Dây thứ 17: Mở ngày 10/4/2022 (ngày 10/3/2022 âm lịch), loại hụi 2.000.000đ, 01 tháng khui 01 lần, tổng số 32 chân, đã khui 02 kỳ (hụi viên hốt thật 02 kỳ), còn lại 30 kỳ chưa khui. Lê Ngọc L tham gia 4 chân, đã hốt 02 chân ở kỳ 01, 02; còn lại 02 chân. Dây hụi này L không có chiếm đoạt tiền hụi của hụi viên.

Quá trình điều tra, các hụi viên và L đã thống nhất cấn trừ hụi sống, hụi chết. Số tiền nợ hụi còn lại có 55 bị hại yêu cầu bị cáo thanh toán theo đối chiếu tại Cơ quan điều tra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2024/HS-ST ngày 20 tháng 02 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh CM quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Ngọc L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Tuyên phạt: Bị cáo Lê Ngọc L **12 (mười hai) năm tù**, thời hạn tù được tính từ ngày 22/6/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự của bị cáo Lê Ngọc L, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 04/3/2024, các bị hại Lê Ngọc Đ1, Lê Tiến P2, Nguyễn Kim L5, Nguyễn Văn S1, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Mộng C5, Lê Thị T13, Phan Thị T2, Nguyễn Hồng A, Lê Bích N8, Dương Thị T8, Huỳnh Tấn S, Trương Minh K1, Trần Quốc T12 có đơn kháng cáo gửi đường bưu điện kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lê Ngọc L.

Các ngày 04 và 05/3/2024, các bị hại Dương Quốc T6, Đào Mộng N3, Nguyễn Thị N4, Bùi Ngọc Á, Huỳnh Thị B (bà Võ Thị H2 đại diện), Phan Thị H, Lê Văn L3, Phan Ngọc N, Phan Thị L1, Lê Thị L2, Nguyễn Thị T4, Nguyễn Kim T14, Nguyễn Thị N7, Mai Thị P, Quách Thụy Đ2, Dương Thị T8, Nguyễn Văn T3, Trịnh Kim T5, Lê Cẩm T11, Huỳnh Thị N2, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Hoàng T9, Nguyễn Thị C2, Huỳnh Thị C4, Trần Ngọc D, Nguyễn Thị C6 (Chăm), Lê Thị N6, Đinh Hồng C3, Huỳnh Tấn N5, Dương Thị C nộp đơn kháng cáo trực tiếp tại Toà án kháng cáo yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm nêu trên, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm truy tố Hồ Quốc K với vai trò đồng phạm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Các bị hại kháng cáo được chia thành hai nhóm, cụ thể:

Nhóm 1 là nhóm kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lê Ngọc L.

Nhóm 2 là nhóm kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm để truy tố thêm chồng của bị cáo L là ông Hồ Quốc K với vai trò đồng phạm, đồng thời phát mãi tài sản của vợ chồng bị cáo để trả tiền cho các bị hại.

Bị cáo Lê Ngọc L là chủ của nhiều dây hụi nhưng bị cáo đã mất khả năng thanh toán. Thông qua các hành vi lừa dối, giả danh các hụi viên, bị cáo L đã tự mình thực hiện việc chiếm đoạt tổng số tiền là 3.018.745.000đ của các hụi viên. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ cho bị cáo. Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo L tự mình thực hiện

hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chồng bị cáo là ông Hồ Quốc K không liên quan và cũng không giúp sức cho bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nêu trên. Do đó, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo; các bị hại kháng cáo không đưa ra được tài liệu, chứng cứ mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Một số bị hại có mặt như các ông bà Nguyễn Văn N1, Dương Quốc T6, Đào Mộng N3 thống nhất trình bày: Mức án 12 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo Lê Ngọc L không phù hợp với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo. Các bị hại không biết thời điểm cụ thể bị cáo L sẽ thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Bị cáo L cho rằng bản thân bị cáo và gia đình không có tài sản để trả cho các bị hại là không có cơ sở, bởi lẽ tất cả các hụi viên đều chưa giật hụi nên số tiền đó bị cáo và gia đình vẫn đang giữ. Các bị hại đều có hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử phát mãi tài sản của bị cáo và gia đình bị cáo để trả lại tiền cho các bị hại. Ngoài ra, các bị hại không đồng ý với nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng bị cáo chiếm đoạt tài sản của bị hại thì chỉ bị cáo có nghĩa vụ hoàn trả; không có căn cứ để buộc chồng bị cáo là ông Hồ Quốc K cùng có nghĩa vụ hoàn trả. Thực tế, ông K biết việc gom hụi của bị cáo, các biên nhận tiền đều có chữ ký của cả hai vợ chồng bị cáo nên buộc ông K phải biết các hành vi phạm tội của bị cáo L đã thực hiện. Ngoài ra, bị cáo L còn sử dụng số tiền chiếm đoạt được của các bị hại để xây nhà, mua xe,... Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm phát mãi tài sản của vợ chồng bị cáo để trả tiền cho các bị hại và xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Hồ Quốc K.

Trong nhóm các bị hại kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lê Ngọc L, chỉ có ông Trương Minh K1 và ông Huỳnh Tấn S có mặt. Tuy nhiên, tại phiên toà, ông S và ông K1 xác nhận không kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về việc xét xử vắng mặt: Các bị hại bao gồm các ông/bà Lê Ngọc Đ1, Lê Tiến P2, Nguyễn Kim L5, Nguyễn Văn S1, Nguyễn Văn H1, Lê Thị T13, Nguyễn Hồng Á1, Lê Bích N8, Trần Quốc T12, Dương Thị T8, Huỳnh Thị N2 và Huỳnh Tấn N5 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[1.2] Về việc xét kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Huỳnh Tấn S và ông Trương Minh K1 xác định không kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo L, do đó Hội đồng xét xử xác định ông K1 và ông S không kháng cáo.

[1.3] Tại phiên toà, Tòa án đã chỉ định người bào chữa cho bị cáo Lê Ngọc L theo quy định tại Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuy nhiên bị cáo đã từ chối

luật sư chỉ định và xác nhận sẽ tự mình bào chữa. Do đó, Toà án tiếp tục tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 77 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Nội dung:

[2.1] Lợi dụng việc làm chủ nhiều dây hụi, nhiều hụi viên không đi khui hụi và không quen biết nhau, từ năm 2020 đến tháng 6 năm 2022, bị cáo Lê Ngọc L đã giả danh hụi viên bỏ thăm hốt 95 chân hụi của hụi viên, chiếm đoạt số tiền 2.872.870.000đ; bán khống 05 chân hụi, chiếm đoạt số tiền 145.875.000đ; tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là **3.018.745.000đ.**

Hành vi của bị cáo đã bị Toà án cấp sơ thẩm xét xử về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội.

[2.2] Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị hại Lê Ngọc Đ1, Lê Tiến P2, Nguyễn Kim L5, Nguyễn Văn S1, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Mộng C5, Lê Thị T13, Phan Thị T2, Nguyễn Hồng Á1, Lê Bích N8, Dương Thị T8, Trần Quốc T12 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy: Khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tính chất hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, theo đó:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các hụi viên ở nhiều kỳ hụi của nhiều dây hụi khác nhau, mỗi kỳ hụi do bị cáo chiếm đoạt đều đủ yếu tố cấu thành tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự nên đã áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Quá trình điều tra giữa bị cáo và một số bị hại có thống nhất đối trừ qua lại với nhau để hoàn trả số tiền bị cáo chiếm đoạt nên bị cáo đã khắc phục một phần thiệt hại cho một số bị hại; một số bị hại không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo; bị cáo có cha ruột tham gia cách mạng được tặng nhiều Huân chương nên đã áp dụng các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm cho bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu và mức án Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết nào mới để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo của các bị hại.

[3] Xét kháng cáo của các bị hại Dương Quốc T6, Đào Mộng N3, Nguyễn Thị N4, Bùi Ngọc Á, Huỳnh Thị B, Phan Thị H, Lê Văn L3, Phan Ngọc N, Phan Thị L1, Lê Thị L2, Nguyễn Thị T4, Nguyễn Kim T7, Nguyễn Thị N7, Mai Thị P, Quách Thúy Đ, Dương Thị T8, Nguyễn Văn T3, Trịnh Kim T5, Lê Cẩm T11, Huỳnh Thị N2, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Hoàng T9, Nguyễn Thị C2, Huỳnh Thị C4, Trần Ngọc D, Nguyễn Thị C6 (Chăm), Lê Thị N6, Đinh Hồng C3, Huỳnh Tấn N5, Dương Thị C giữ nguyên kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm để

truy tố Hồ Quốc K về hành vi đồng phạm đối với bị cáo L. Đề nghị phát mãi tài sản của vợ chồng bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy: Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện việc bị cáo làm chủ hụi ông K có biết nhưng không có chứng để chứng minh ông K đồng phạm cùng bị cáo L gian dối chiếm đoạt tiền của các bị hại nên cấp sơ thẩm không xử lý đối với ông K là có cơ sở. Đối với yêu cầu phát mãi tài sản là thuộc thẩm quyền của Cục Thi hành án dân sự tỉnh CM. Do đó, không chấp nhận kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm của các bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về án phí:

Bị hại kháng cáo về phần hình phạt và đề nghị hủy án không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

1/ Không chấp nhận kháng cáo của các bị hại Lê Ngọc Đ1, Lê Tiến P2, Nguyễn Kim L5, Nguyễn Văn S1, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Mộng C5, Lê Thị T13, Phan Thị T2, Nguyễn Hồng Á1, Lê Bích N8, Dương Thị T8, Trần Quốc T12, Dương Quốc T6, Đào Mộng N3, Nguyễn Thị N4, Bùi Ngọc Á, Huỳnh Thị B, Phan Thị H, Lê Văn L3, Phan Ngọc N, Phan Thị L1, Lê Thị L2, Nguyễn Thị T4, Nguyễn Kim T7, Nguyễn Thị N7, Mai Thị P, Quách Thúy Đ, Dương Thị T8, Nguyễn Văn T3, Trịnh Kim T5, Lê Cẩm T11, Huỳnh Thị N2, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Hoàng T9, Nguyễn Thị C2, Huỳnh Thị C4, Trần Ngọc D, Nguyễn Thị C6 (Chăm), Lê Thị N6, Đinh Hồng C3, Huỳnh Tấn N5 và Dương Thị C.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2/ Xử phạt bị cáo Lê Ngọc L: **12 (mười hai) năm tù** về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; thời hạn tù được tính từ ngày 22/6/2023.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Ngọc L theo quyết định của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

3/ Về án phí: Bị hại Lê Ngọc Đ1, Lê Tiến P2, Nguyễn Kim L5, Nguyễn Văn S1, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Mộng C5, Lê Thị T13, Phan Thị T2, Nguyễn Hồng Á1, Lê Bích N8, Dương Thị T8, Trần Quốc T12, Dương Quốc T6, Đào

Mộng N3, Nguyễn Thị N4, Bùi Ngọc Á, Huỳnh Thị B, Phan Thị H, Lê Văn L3, Phan Ngọc N, Phan Thị L1, Lê Thị L2, Nguyễn Thị T4, Nguyễn Kim T7, Nguyễn Thị N7, Mai Thị P, Quách Thúy Đ, Dương Thị T8, Nguyễn Văn T3, Trịnh Kim T5, Lê Cẩm T11, Huỳnh Thị N2, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Hoàng T9, Nguyễn Thị C2, Huỳnh Thị C4, Trần Ngọc D, Nguyễn Thị C6 (Chăm), Lê Thị N6, Đinh Hồng C3, Huỳnh Tấn N5 và Dương Thị C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh CM;
- VKSND tỉnh CM;
- Công an tỉnh CM;
- Sở tư pháp tỉnh CM;
- Cục THADS tỉnh CM;
- Trại tạm giam CA tỉnh CM (hỗ trợ tống đạt cho bị cáo);
- Các bị hại;
- Lưu HSVA (NTCL)(65).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hòa Hiệp